

NHẬT KÝ DỪNG SẢN XUẤT

Kíp: 2B Từ 20h00 ngày 05 tháng 10 đến 08h00 ngày 06 tháng 10 năm 2025

Nhà máy: NM. HRC 1

STT	Xưởng	Cụm thiết bị	Thời điểm dừng	Thời điểm chạy lại	Thời gian dừng (phút)	Nội dung dừng máy	Thiết bị Cơ điện				Công nghệ		TG dừng khách quan	TG chờ khác	TG dừng BTBD thực tế	TG dừng theo KH BTBD tháng (giờ)	Gây dừng dây chuyền sản xuất	Ghi chú
							Số sự cố (lần)	TG chờ xử lý sự cố (phút)	TG xử lý SC (phút)	TG sự cố (phút)	Dừng máy do Sự cố công nghệ	Dừng máy do Chờ công nghệ						
1	Xưởng Lò thổi	Cụm ABCádasdas	07:30	05:00	21.5	Hồng băng tải	1	2.5	3.5	6	X					2.5	Có	
2	Xưởng Lò thổi	Cụm Thêm 1	20:30	06:00	9.5	Dừng máy				0		X				2.5	Có	
3	Xưởng Lò thổi	Cụm Thêm 1	21:30	07:00	9.5	Chập điện				0			X			2.5	Có	
4	Xưởng Lò thổi	Cụm ABCádasdas	22:30	08:00	9.5	Hồng băng tải				0				X		2.5	Có	
5	Xưởng Lò thổi	Cụm Thêm 1	23:30	08:00	8.5	Dừng máy				0					X	2.5	Có	
6	Xưởng Lò thổi	Cụm ABCádasdas	01:30	08:00	6.5	Chập điện				0						2.5	Có	
7	Xưởng Lò thổi	Cụm Thêm 1	01:30	08:00	6.5	Hồng băng tải				0						2.5	Có	
8	Xưởng Lò thổi	Cụm Thêm 1	02:30	05:44	3.23	Dừng máy				0						2.5	Có	
Tổng thời gian					74.73													



ĐƠN VỊ BTBD
Đã ký
(Chưa có chữ ký)
Nguyễn Văn Can

NM.SX

Nguyễn Vĩnh Phước

Ghi chú:

BM ghi chép sử dụng cho KTV/PT/Tổ trưởng vận hành và Trưởng/Phó kíp.

Chỉ ghi chép ngày có dừng máy, ngày không dừng máy thì không cần ghi.

[01] Số lần sự cố thiết bị: số lần thiết bị dừng sản xuất trong khoảng thời gian theo dõi.

[02] Thời gian chờ xử lý sự cố: tổng thời gian chờ từ lúc bắt đầu ngừng máy đến lúc bắt đầu sửa chữa thiết bị.

[03] Thời gian xử lý sự cố thiết bị: thời gian từ khi bắt đầu khắc phục đến khi hoàn tất công việc sửa chữa.

[04] Thời gian sự cố thiết bị: tổng thời gian từ khi bắt đầu sự cố đến khi xử lý xong.

[05] Dừng máy do sự cố công nghệ: thời gian dừng sản xuất do nguyên nhân từ công nghệ gây ra.

[06] Dừng máy do chờ công nghệ: thời gian thiết bị/máy phải dừng không do hỏng hóc, mà do chờ điều kiện công nghệ (VD: chờ nhiệt độ, nguyên liệu, xử lý trung gian).

[07] Thời gian dừng khách quan: thời gian dừng sản xuất do nguyên nhân khách quan, như thiếu nguyên liệu, thiên tai, bão lũ, sét đánh đường truyền tải,...

[08] Thời gian chờ khác: thời gian máy/dây chuyền dừng chờ không thuộc các nhóm nguyên nhân đã quy định trước.

[09] Thời gian dừng BTBD thực tế: thời gian nhà máy/phân xưởng dừng thực tế để thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng.

[10] Thời gian dừng theo kế hoạch BTBD tháng: thời gian dừng theo kế hoạch đã được ký và ban hành hàng tháng.

[11] Gây dừng dây chuyền sản xuất: lựa chọn “Có/Không” nếu cụm thiết bị có hoặc không gây dừng dây chuyền sản xuất.

